

## REVIEW 4

### I. NEW WORDS

|             |                    |
|-------------|--------------------|
| - sell      | : bán              |
| - buy       | : mua              |
| - borrow    | : mượn             |
| - lend      | : cho mượn         |
| - give back | : đưa lại, trả lại |
| - send      | : gửi              |
| - receive   | : nhận             |
| - friendly  | : thân thiện       |
| - silly     | : ngớ ngẩn         |
| - T-shirt   | : áo thun ngắn tay |